

- Riêng ngành Kiểm Lâm: Ngoài các loại chế độ phụ cấp được hưởng theo mặt bằng chung còn được hưởng: Phụ cấp thâm niên nghề Kiểm lâm theo Thông tư liên tịch số 04/2009/TTLT-BNV-BTC ngày 24/12/2009; chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên ngành kiểm lâm theo Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006; phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo Quyết định số 1998/NN-TCCB/QĐ ngày 13/8/1997; phụ cấp lưu động theo Quyết định số 976/QĐ-BNN/TCCB ngày 23/3/1998 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. ...) được bổ sung thêm 30 triệu đồng/biên chế/năm để đảm bảo đủ mặt bằng định mức chung.

**/ Các hội đặc thù được giao định biên (không được giao biên chế):* Được phân bổ kinh phí hoạt động: 65 triệu đồng/ định biên/ năm.

**/ Các đơn vị sự nghiệp:*

- Các đơn vị không có thu

Dưới 10 biên chế: 85 triệu đồng/ biên chế/ năm.

Từ 10 biên chế đến 20 biên chế: 82 triệu đồng/ biên chế/ năm.

Từ 21 biên chế trở lên: 80 triệu đồng/ biên chế/ năm.

- Các đơn vị khác có thu

Dưới 10 biên chế: 75 triệu đồng/ biên chế/ năm.

Từ 10 biên chế trở lên: 72 triệu đồng/ biên chế/ năm.

**/ Các đơn vị khối Đảng:* 130 triệu đồng/biên chế/năm.

- Định mức biên chế trên chưa bao gồm phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên theo Quyết định số 169-QĐ/TW của các cấp ủy trực thuộc do ngân sách đơn vị chi trả (Văn phòng Tỉnh ủy, Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh, Đảng ủy khối doanh nghiệp).

Riêng Báo Phú Thọ (do không được hưởng phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP; phụ cấp Đảng, đoàn thể theo hướng dẫn số 05-HD/BTCTW ngày 1/7/2011): 100 triệu đồng/biên chế/năm.

**/ Các đơn vị khối đoàn thể:* 122 triệu đồng/biên chế/năm.

- Các cơ quan: Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân; Văn phòng UBND tỉnh và một số đơn vị khác: Ngoài định mức biên chế trên, trên cơ sở định mức, chế độ, tiêu chuẩn và các nhiệm vụ chi đặc thù được giao được bổ sung thêm kinh phí để đảm bảo hoạt động trên cơ sở nguồn lực và khả năng cân đối ngân sách.

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ: Cải cách hành chính; sinh viên về công tác tại xã; hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có hoạt động gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương; trả nợ tiền mua sắm phương tiện; thi đua khen thưởng và các hoạt động khác phát sinh...: Được xác định căn cứ nguồn lực và khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

b) Cấp huyện

**/ Các đơn vị quản lý nhà nước được phân bổ:*

- Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: 100 triệu đồng/biên chế/năm.
- Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 108 triệu đồng/biên chế/năm.
- Các huyện còn lại: 102 triệu đồng/biên chế/năm.

**/ Các đơn vị khối Đảng, đoàn thể được phân bổ:*

- Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: 123 triệu đồng/biên chế/năm.
- Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 127 triệu đồng/biên chế/năm.
- Các huyện còn lại: 125 triệu đồng/biên chế/năm.

**/ Riêng huyện Tân Sơn:* Do đặc thù là huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ; tất cả cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đều được hưởng chính sách đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP, để đảm bảo đủ mặt bằng theo định mức chung, được bổ sung thêm 500 triệu đồng/năm.

**/ Các hội đặc thù (được giao biên chế) và các đơn vị thuộc sự nghiệp khác được phân bổ:*

- Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: 80 triệu đồng/biên chế/năm.
- Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 82 triệu đồng/biên chế/năm.
- Các huyện còn lại: 81 triệu đồng/biên chế/năm.

**/ Các hội đặc thù chưa được giao biên chế (được hỗ trợ định biên) được phân bổ: 60 triệu đồng/định biên được hỗ trợ.*

**/ Phụ cấp trách nhiệm đối với Ủy viên cấp huyện theo Quyết định số 169/QĐ-TW ngày 24/6/2008 của Ban Chấp hành Trung ương.*

**/ Ngoài định mức biên chế trên, các đơn vị cấp huyện được bổ sung thêm kinh phí để đảm bảo các nhiệm vụ, hoạt động của cấp mình:* Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cấp huyện; kinh phí duy trì mạng Tabmis; chi thi đua khen thưởng; chi phụ cấp một cửa của UBND cấp huyện; kinh phí thực hiện chi trả phụ cấp kiêm nhiệm theo Pháp lệnh Cựu chiến binh; trang phục Thanh tra; kinh phí chi trả phụ cấp người đứng đầu Ban đại diện Hội người cao tuổi; kinh phí xét nghiệm HIV khám tuyển nghĩa vụ quân sự; phụ cấp báo cáo viên theo Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW-BTGTW; phụ cấp kiêm nhiệm đại biểu HĐND; phụ cấp ủy viên Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; kinh phí hỗ trợ sinh hoạt phí đối với Ủy viên UBMTTQ Việt Nam không hưởng lương từ NSNN; kinh phí tổ chức các kỳ họp HĐND cấp huyện; kinh phí bảo dưỡng, bảo trì hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng; kinh phí thực hiện chế độ tiếp công dân, xử lý đơn thư; kinh phí thực hiện xây dựng và hoàn thiện

văn bản QPPL của HĐND, UBND; kinh phí thực hiện kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VB QPPL; kinh phí thực hiện Quyết định số 603-QĐ/TU của Tỉnh ủy về một số chế độ, chính sách đối với cán bộ; kinh phí thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; kinh phí thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính của cán bộ công chức đầu mối ... và các hoạt động khác).

- Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: 4.000 triệu đồng/ thành, thị/ năm.
- Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 4.200 triệu đồng/ huyện/ năm.
- Các huyện còn lại: 4.100 triệu đồng/ huyện/ năm.

c) Cấp xã

- Đảm bảo chi đủ các khoản lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho cán bộ, công chức; phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư; phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân; bảo hiểm y tế cho đại biểu HĐND không hưởng lương; phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ tham gia vào công tác quản lý Trung tâm học tập cộng đồng.

- Đảm bảo chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở theo Quyết định số 99/QĐ-TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương.

- Kinh phí cho các hoạt động cấp xã đảm bảo thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ bao gồm: Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; hoạt động Hội người cao tuổi; phụ cấp một cửa; kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Người cao tuổi; kinh phí hỗ trợ đi lại cho cán bộ y tế và người cao tuổi khám chữa bệnh; kinh phí hoạt động các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội của các xã, thôn ĐBKK, ATK; kinh phí hoạt động đối với Trưởng ban công tác mặt trận và Chi hội trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở khu dân cư theo Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND; kinh phí tổ chức các kỳ họp HĐND cấp xã; hỗ trợ kinh phí cho sự nghiệp khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; kinh phí quà tặng chúc, mừng thọ người cao tuổi; kinh phí bảo dưỡng, bảo trì hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng; kinh phí thực hiện chế độ tiếp công dân, xử lý đơn thư; kinh phí thực hiện xây dựng và hoàn thiện văn bản QPPL của HĐND, UBND; kinh phí thực hiện kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VB QPPL; kinh phí thực hiện chi trả thù lao và hoạt động của đội công tác xã hội tình nguyện cấp xã... và các hoạt động khác.

- Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: 380 triệu đồng/xã, phường/năm.
- Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 430 triệu đồng/xã, phường/năm.
- Các huyện còn lại: 400 triệu đồng/xã, phường/năm.

d) Ngoài định mức trên, đối với các nhiệm vụ phát sinh khác như: Đại hội các tổ chức đoàn thể, kỷ niệm các ngày lễ lớn,...; căn cứ vào khả năng ngân sách bố trí hỗ trợ kinh phí cho cấp huyện, cấp xã theo quy định.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

2.1. Đối với các đơn vị số biên chế có mặt vượt so với số biên chế được giao thì định mức tính đủ chi nhóm I cho số biên chế có mặt; các đơn vị thiếu biên chế thì định mức chi nhóm I tính theo số biên chế có mặt và được bổ sung thêm mức hệ số lương 2,34 theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/ giáo viên/01 tháng cho số giáo viên thiếu.

- Giáo viên mầm non ngoài biên chế (hợp đồng tỉnh): Nguồn kinh phí chi trả bao gồm:

+ Đối với các xã đặc biệt khó khăn: Ngoài các khoản lương trả theo chế độ, ngân sách tỉnh đảm bảo chi trả 24% các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn).

+ Đối với các xã không thuộc xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 24% các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn) tính trên hệ số lương 2,34 theo mức lương tối thiểu và hỗ trợ tiền lương theo mức:

STT	Địa bàn các huyện, thành, thị	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)
1	Thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ	1.210.000
2	Các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập	1.573.000
3	Các huyện còn lại	1.452.000

- Giáo viên mầm non ngoài biên chế hợp đồng tại các huyện, thành, thị (đến thời điểm 30/9/2016):

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 24% các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn) tính trên hệ số lương 1,86 theo mức lương tối thiểu. Ngoài ra, được hỗ trợ thêm như sau:

+ Đối với các xã đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ mức tiền lương: 900.000 đồng/giáo viên/tháng.

+ Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại:

Thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ: 400.000 đồng/giáo viên/tháng.

Các huyện: Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn: 700.000 đồng/giáo viên/tháng.

Các huyện còn lại: 500.000 đồng/giáo viên/tháng.

2.2. Các khoản chi cho công tác giảng dạy và học tập (nhóm II) được tính theo số học sinh được cấp có thẩm quyền giao đầu năm, cụ thể:

a) Cấp tỉnh

- Khối THPT định mức: 715.000 đồng/học sinh/năm.

Được phân bổ theo từng vùng theo hệ số điều chỉnh như sau:

STT	Địa bàn các huyện, thành, thị	Hệ số điều chỉnh
1	Thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ	1,0
2	Các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập	1,3
3	Các huyện còn lại	1,2

Định mức chi nhóm II trên đảm bảo tăng tối thiểu 12% so với dự toán năm 2016.

- Khối các đơn vị: Trung tâm KT-TH-HN tỉnh, Trường Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý Giáo dục; Trung tâm Ngoại ngữ Tin học; Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, định mức phân bổ chi nhóm II gồm:

+ Định mức theo số học sinh hệ THPT: 715.000 đồng/học sinh/năm.

+ Định mức hoạt động của bộ máy quản lý: đảm bảo cơ cấu 85-15;

+ Định mức theo số học sinh, sinh viên hệ đào tạo được giao được phân bổ thêm theo định mức phân bổ sự nghiệp đào tạo.

- Hỗ trợ các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch:

+ Trường mầm non, tiểu học: 300 triệu đồng/trường/năm.

+ Trường trung học cơ sở: 400 triệu đồng/trường/năm.

+ Trường trung học phổ thông: 600 triệu đồng/trường/năm.

- Các khoản chi khác phục vụ chung cho toàn ngành: Căn cứ vào khả năng ngân sách hàng năm, bố trí bổ sung chi cho một số nhiệm vụ sau: Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, sự nghiệp ngành (tại Sở Giáo dục - Đào tạo), sửa chữa lớn và tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp; đưa công nghệ thông tin vào trường học, đào tạo trên chuẩn cho giáo viên, học bổng cho học sinh giỏi THPT đoạt giải theo quy định của tỉnh; công tác đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục và các khoản chi khác theo quy định.

b) Cấp huyện

- Khối Mầm non định mức: 245.000 đồng/học sinh /năm.

- Khối Tiểu học định mức: 280.000 đồng/học sinh /năm.

- Khối THCS định mức: 395.000 đồng/học sinh/năm.

Được phân bổ theo từng vùng với hệ số điều chỉnh như sau:

STT	Địa bàn các huyện, thành, thị	Hệ số điều chỉnh
-----	-------------------------------	------------------

1	Thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ	1,0
2	Các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập	1,3
3	Các huyện còn lại	1,2

Định mức chi nhóm II trên đảm bảo tăng tối thiểu 12% so với dự toán năm 2016.

- Các khoản chi khác phục vụ chung cho toàn ngành: Căn cứ vào khả năng ngân sách, bố trí bổ sung chi cho một số nhiệm vụ sau: Tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học; mua sắm máy móc thiết bị phục vụ học tập... và các khoản chi khác theo quy định.

3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề

Đối với các đơn vị số biên chế có mặt vượt so với số biên chế được giao thì định mức tính đủ chi nhóm I cho số biên chế có mặt; các đơn vị thiếu biên chế thì định mức chi nhóm I tính theo số biên chế có mặt và được bổ sung thêm mức hệ số 2,34 theo lương 1.210.000 đồng/giáo viên/01 tháng cho số giáo viên thiếu.

a) Cấp tỉnh

- Các khoản chi cho công tác giảng dạy, học tập (nhóm II) và bộ máy quản lý được tính theo số học sinh, sinh viên. Mức tính cụ thể như sau:

Đơn vị: Nghìn đồng/học sinh, sinh viên/năm (12 tháng)

STT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo			
		Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
1	Khối khoa học xã hội, kinh tế, luật	4.000	3.600	2.500	2.700
2	Khối nông, lâm, thủy sản	4.900	4.400	3.500	3.700
3	Khối khoa học tự nhiên, công nghệ, khách sạn, du lịch	4.400	4.300	3.500	3.600
4	Khối kỹ thuật	4.500	4.100	3.200	3.500
5	Khối y dược	4.600	4.200	2.600	2.800
6	Khối nghệ thuật - thể dục thể thao	6.100	5.500	4.900	5.200
7	Khối sư phạm	4.800	4.300	3.000	3.200

- Đối với hệ tại chức chỉ tính định mức chi cho các lớp chính trị, hành chính được cấp có thẩm quyền giao, còn lại các khối trường khác trên cơ sở nhiệm vụ kế hoạch được giao tự đảm bảo kinh phí bằng nguồn thu học phí theo chế độ để phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập.

- Các cơ sở đào tạo mới thành lập, năm đầu tiên được bố trí kinh phí hoạt động đảm bảo quỹ lương và đảm bảo hoạt động nhóm II theo tỷ lệ 88-12; kinh phí hoạt động chỉ được phân bổ sau khi có học sinh đào tạo được cấp có thẩm quyền giao.

- Ngoài định mức phân bổ trên, căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, sự nghiệp đào tạo - dạy nghề cấp tỉnh được bổ sung thêm kinh phí để đào tạo vận động viên trường năng khiếu của Trung tâm Huấn luyện TDTT; Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật, kinh phí đào tạo lại, kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật và kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật...

b) Cấp huyện

**/ Đối với các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên:*

- Định mức chi cho công tác giảng dạy, học tập (nhóm II) bao gồm:

+ Định mức hoạt động của bộ máy quản lý: Đảm bảo cơ cấu 88-12.

+ Định mức theo số học sinh, sinh viên hệ đào tạo, mức tính cụ thể như sau:

Đơn vị: Nghìn đồng/học sinh, sinh viên/năm (12 tháng)

STT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo (Sơ cấp)
1	Khối khoa học xã hội, kinh tế, luật	2.700
2	Khối nông, lâm, thủy sản	3.700
3	Khối khoa học tự nhiên, công nghệ, khách sạn, du lịch	3.600
4	Khối kỹ thuật	3.500

+ Định mức theo số học sinh hệ bổ túc văn hóa THPT: 850.000 đồng/học sinh/năm.

**/ Đối với Trung tâm Bồi dưỡng chính trị cấp huyện:* Được phân bổ theo từng vùng như sau:

- Thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ: 100 triệu đồng/biên chế.

- Các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 120 triệu đồng/biên chế.

- Các huyện còn lại: 115 triệu đồng/biên chế.

**/ Bổ sung kinh phí hỗ trợ sự nghiệp đào tạo cấp huyện (đã bao gồm kinh phí đào tạo lại):*

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện (trợ cấp ngày công lao động) dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ;

- Ngoài ra, kinh phí đào tạo cấp huyện được phân bổ thêm kinh phí theo từng vùng như sau:

+ Thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ: 650 triệu đồng/huyện/năm.

+ Các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 900 triệu đồng/huyện/năm.

+ Các huyện còn lại: 700 triệu đồng/huyện/năm.

c) Cấp xã

Định mức: 20 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

a) Các đơn vị trực thuộc tỉnh

- Định mức theo tiêu chí giường bệnh và biên chế:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Giường bệnh	Biên chế
I. Các đơn vị thực hiện chức năng khám, chữa bệnh tuyến tỉnh, huyện:			
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	85	
2	Bệnh viện Lao, Tâm thần	83	
3	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng, Bệnh viện Mắt	80	
4	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	40	
5	Bệnh viện đa khoa các huyện: Hạ Hòa, Đoan Hùng, Cẩm Khê, Thanh Sơn, Thanh Ba, thị xã Phú Thọ	70	
II. Các đơn vị thực hiện chức năng khám, chữa bệnh và phòng bệnh cấp huyện (được giao chỉ tiêu giường bệnh):			
6	Trung tâm y tế huyện: Phù Ninh, Lâm Thao	79	109
7	Trung tâm y tế huyện: Tam Nông, Thanh Thủy	85	103
8	Trung tâm y tế huyện Yên Lập	85	112
9	Trung tâm y tế huyện Tân Sơn	125	130
III. Các đơn vị thực hiện chức năng khám, chữa bệnh và phòng bệnh cấp tỉnh (không được giao chỉ tiêu giường bệnh) cấp tỉnh:			
1	Trung tâm Y tế: dự phòng, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe, Trung tâm Kiểm nghiệm, Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Pháp y		110
2	Hội Đông y		90

IV. Các đơn vị thực hiện chức năng khám, chữa bệnh và phòng bệnh (không được giao chỉ tiêu giường bệnh) cấp huyện:			
1	Trung tâm y tế các huyện: Thanh Ba, Hạ Hòa, Đoan Hùng, Cẩm Khê		103
2	Trung tâm y tế thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ		109
3	Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn		112

- Các bệnh viện do cơ cấu giữa biên chế và giường bệnh cao hơn so mặt bằng chung dẫn đến định mức chưa có kinh phí hoạt động, được bổ sung thêm kinh phí đảm bảo đủ quỹ lương cho số biên chế có mặt và một phần kinh phí hoạt động từ 5-10% so quỹ lương của đơn vị (không bao gồm kinh phí hoạt động từ nguồn thu viện phí để lại theo quy định).

- Đảm bảo kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng: Trẻ em dưới 6 tuổi, người thuộc hộ gia đình nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cựu chiến binh, cựu thanh niên xung phong, dân quân du kích, quân nhân, dân công hỏa tuyến; hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT theo quy định cho các đối tượng là học sinh - sinh viên, người thuộc hộ gia đình cận nghèo, người thuộc hộ gia đình nông lâm nghiệp có mức sống trung bình...

- Căn cứ khả năng ngân sách, phân bổ thêm các khoản chi khác phục vụ chung cho toàn ngành: Kinh phí nghiệp vụ ngành cho các đơn vị, kinh phí đào tạo chuyên khoa và tiên sỹ; tăng cường cơ sở vật chất ngành y tế, phòng chống dịch, dự kiến nhiệm vụ phát sinh khác.

- Các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác phòng bệnh tuyến tỉnh, huyện (Bệnh viện Lao và bệnh Phổi, Bệnh viện Tâm thần, Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, các Trung tâm Y tế 13 huyện, thành, thị): Căn cứ khả năng ngân sách, phân bổ thêm kinh phí đảm bảo hoạt động.

b) Các đơn vị y tế trực thuộc huyện

- Định mức phân bổ cho các Trung tâm Dân số KHHGD các huyện.

+ Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: 96 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 100 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Các huyện còn lại: 97 triệu đồng/biên chế/năm.

- Hỗ trợ thù lao cộng tác viên dân số: 100.000đ/ng/tháng.

c) Y tế cấp xã

Định mức phân bổ cho các Trạm y tế cấp xã:

- Đảm bảo chi đủ các khoản lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định cho viên chức cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo phụ cấp cho nhân viên y tế thôn bản, khu dân cư theo quy định.

- Kinh phí hoạt động (bao gồm kinh phí hoạt động và kinh phí khám chữa bệnh cho người cao tuổi):

+ Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: 38 triệu đồng/trạm/năm.

+ Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập: 42 triệu đồng/trạm/năm.

+ Các đơn vị cấp huyện còn lại: 40 triệu đồng/trạm/năm.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục thể thao và phát thanh truyền hình

a/ Cấp tỉnh

- Định mức phân bổ cho chi sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục thể thao và phát thanh truyền hình:

+ Các đơn vị sự nghiệp không có thu:

Dưới 10 biên chế: 85 triệu đồng/biên chế/năm.

Từ 10 biên chế đến 20 biên chế: 82 triệu đồng/biên chế/năm.

Trên 20 biên chế: 80 triệu đồng/biên chế/năm.

Riêng Đoàn chèo, Đoàn kịch: (Ngoài các loại chế độ phụ cấp được hưởng theo mặt bằng chung, còn được hưởng phụ cấp thanh sắc đối với lao động biểu diễn nghệ thuật) được phân bổ 85 triệu đồng/biên chế/năm để đảm bảo đủ mặt bằng định mức chung.

+ Các đơn vị sự nghiệp có thu:

Dưới 10 biên chế: 75 triệu đồng/biên chế/năm.

Từ 10 biên chế trở lên: 72 triệu đồng/biên chế/năm.

- Căn cứ vào khả năng ngân sách hàng năm, bổ sung kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ: Trợ giá điện ảnh miền núi; hỗ trợ Đoàn nghệ thuật truyền thống; kinh phí Giỗ tổ Hùng Vương và bắn pháo hoa; kinh phí hoạt động Văn hoá thông tin du lịch về nguồn; hỗ trợ kinh phí hoạt động Ban Chỉ đạo Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" cấp tỉnh theo Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/9/2014 Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; hỗ trợ hoạt động văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình và hoạt động các ngành đoàn thể thuộc sự nghiệp...

b) Cấp huyện - xã

- Đảm bảo quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao đầu năm.

- Định mức kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục thể thao và phát thanh truyền hình cấp huyện, xã đảm bảo kinh phí hoạt động của các trạm phát

lại và các hoạt động khác của sự nghiệp từ huyện xuống xã theo quy định được tính theo tiêu chí dân số trên địa bàn có phân theo vùng, miền:

<i>STT</i>	<i>Vùng</i>	<i>Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)</i>
1	Đô thị	29.018
2	Đồng bằng	22.630
3	Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu và vùng cao	24.875

Trong đó: Ngân sách cấp huyện 68%, ngân sách cấp xã 32%.

- Đối với các đơn vị có hoạt động văn hóa đặc thù căn cứ khả năng ngân sách, phân bổ thêm kinh phí đảm bảo hoạt động.

Ngoài định mức trên, sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình các huyện, thành, thị được bổ sung thêm kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" theo Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/9/2014 Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo và Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo cấp huyện: 45 triệu đồng/huyện, thành, thị/năm.

- Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp xã: 05 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

- Kinh phí hoạt động của Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư:

+ Đối với các xã thuộc vùng khó khăn: 05 triệu đồng/khu dân cư/năm.

+ Đối với các xã còn lại: 03 triệu đồng/khu dân cư/năm.

6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

a) Cấp tỉnh

- Các đơn vị sự nghiệp được phân bổ theo định mức biên chế: 100 triệu đồng/biên chế/năm.

- Đảm bảo đủ các loại phụ cấp khác: Phụ cấp trực theo Quyết định 73/2011/QĐ-TTg; phụ cấp thu hút đặc thù ngành lao động xã hội theo Thông tư số 18/TT-BLĐTB&XH; chi chế độ cho chế độ sau cai nghiện...

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ: Quà cho các đối tượng chính sách, kinh phí điều tra, thu gom các đối tượng, công tác vệ sinh an toàn lao động, thăm viếng mộ liệt sỹ, đón nhận hài cốt, đưa đón các đối tượng nghỉ điều dưỡng...theo quy định: được xác định căn cứ nguồn lực và khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

b) Cấp huyện

Định mức đảm bảo thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật và các chế độ: quà cho các đối tượng chính sách: Gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng...; hỗ trợ kinh phí mai táng phí và các nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác theo quy định.

c) Cấp xã

Định mức đảm bảo chế độ đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng và các nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác theo quy định.

7. Định mức phân bổ chi Quốc phòng

- Định mức phân bổ ngân sách chi quốc phòng cấp tỉnh năm 2017 tăng tối thiểu 5% so với năm 2016. Trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về quốc phòng, căn cứ khả năng ngân sách hàng năm hỗ trợ, bổ sung để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Định mức phân bổ ngân sách chi quốc phòng cấp huyện, xã sau khi được đảm bảo đủ kinh phí thực hiện chế độ chính sách quy định của Luật dân quân tự vệ, kinh phí hoạt động được tính theo tiêu chí dân số trên địa bàn có phân theo vùng được tính theo tiêu chí dân số trên địa bàn có phân theo vùng:

<i>STT</i>	<i>Vùng</i>	<i>Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)</i>
1	Đô thị	6.497
2	Đồng bằng	8.491
3	Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu và vùng cao	10.161

Cụ thể:

+ Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: Ngân sách thành phố, thị xã: 60%; ngân sách xã, phường, thị trấn: 40%.

+ Các huyện còn lại: Ngân sách cấp huyện 50%, ngân sách cấp xã 50%.

8. Định mức phân bổ chi an ninh

- Định mức phân bổ ngân sách chi an ninh cấp tỉnh năm 2016 tăng tối thiểu 5% so với năm 2016. Trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, căn cứ khả năng ngân sách hàng năm hỗ trợ, bổ sung để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Định mức phân bổ ngân sách chi an ninh cấp huyện, xã được tính theo tiêu chí dân số trên địa bàn có phân theo vùng:

<i>STT</i>	<i>Vùng</i>	<i>Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)</i>
1	Đô thị	3.569
2	Đồng bằng	4.703
3	Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu và vùng cao	4.762

Cụ thể:

+ Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: Ngân sách thành phố, thị xã: 75%; ngân sách cấp xã: 25%.

+ Các huyện còn lại: Ngân sách cấp huyện 55%, ngân sách cấp xã 45%.

9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học công nghệ

Được tập trung ở ngân sách cấp tỉnh, đảm bảo tối thiểu bằng mức Trung ương phân bổ cho ngân sách địa phương.

10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế (đã bao gồm chi sự nghiệp hoạt động môi trường)

a) Cấp tỉnh

**/ Các đơn vị sự nghiệp được phân bổ theo định mức biên chế như sau:*

- Sự nghiệp lâm nghiệp: 85 triệu đồng/biên chế/năm.

Riêng Vườn quốc gia Xuân Sơn và Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Ngòi Giành (ngoài các loại chế độ phụ cấp được hưởng theo mặt bằng chung, còn được hưởng phụ cấp thu hút và lâu năm theo Nghị định số 116/NĐ-CP; phụ cấp lưu động), được bổ sung thêm 30 triệu đồng/biên chế/năm để đảm bảo đủ mặt bằng định mức chung.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi:

+ Dưới 10 biên chế: 85 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Từ 10 biên chế trở lên: 82 triệu đồng/biên chế/năm.

- Sự nghiệp tài nguyên môi trường: 85 triệu đồng/biên chế/năm.

- Sự nghiệp giao thông: Phân bổ kinh phí duy tu đường thuộc cấp tỉnh quản lý theo mức: 40 triệu đồng/km.

**/ Căn cứ vào khả năng ngân sách, bố trí định mức chi sự nghiệp kinh tế cấp tỉnh đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và các chế độ chính sách của Nhà nước.*

b) Cấp huyện, xã

- Cấp huyện, xã được tính theo tỷ trọng chi thường xuyên (không bao gồm chi khác ngân sách và một số các chính sách, phụ cấp đặc thù và các nhiệm vụ chi không mang tính thường xuyên, ổn định): Thành phố Việt Trì (đô thị loại I): Tối thiểu 30%, thị xã Phú Thọ (đô thị loại III): Tối thiểu 14%, các huyện còn lại từ 2-5%, đảm bảo tăng tối thiểu 10% so dự toán năm 2016.

- Định mức phân bổ trên đã bao gồm kinh phí chi trả phụ cấp khuyến nông viên, kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường nội thị 40 triệu đồng/km; kinh phí thực hiện đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 và các nhiệm vụ thuộc sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp hoạt động môi trường khác theo quy định.

Trong đó:

+ Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: Ngân sách thành phố, thị xã: 95%, ngân sách xã, phường, thị trấn: 5%.

+ Các huyện còn lại: Ngân sách cấp huyện 80%, ngân sách cấp xã 20%.

- Ngoài ra, căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng huyện, thành, thị; diện tích tự nhiên và số km đường giao thông cấp huyện quản lý... căn cứ khả năng ngân sách tỉnh bố trí hỗ trợ một phần kinh phí đảm bảo thực hiện nhiệm vụ cấp huyện, xã.

11. Định mức phân bổ chi khác ngân sách

- Định mức phân bổ ngân sách chi khác ngân sách cấp tỉnh năm 2017 tăng tối thiểu 5% so với năm 2016.

- Định mức phân bổ ngân sách chi khác ngân sách cấp huyện, xã được tính theo tiêu chí dân số trên địa bàn có phân theo vùng:

<i>STT</i>	<i>Vùng</i>	<i>Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)</i>
1	Đô thị	11.640
2	Đồng bằng	6.476
3	Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu và vùng cao	6.579

Cụ thể:

+ Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: Ngân sách thành phố, thị xã: 70%; ngân sách xã, phường, thị trấn: 30%.

+ Các huyện còn lại: Ngân sách cấp huyện 65%, ngân sách cấp xã 35%.

12. Dự phòng ngân sách

- Dự phòng ngân sách địa phương được phân bổ đảm bảo đủ mức Trung ương giao, trong đó định mức phân bổ dự phòng ngân sách cấp huyện, xã tăng 28% so dự phòng ngân sách năm 2016, đảm bảo từ 2 – 4% tổng chi thường xuyên ngân sách

(không bao gồm một số các chính sách, phụ cấp đặc thù và các nhiệm vụ chi không mang tính thường xuyên, ổn định).

**/ Phương pháp xác định chỉ tiêu dân số:*

Dân số của từng huyện, thành, thị được xác định theo số liệu của Cục Thống kê công bố, cụ thể như sau:

- Dân số đô thị: Gồm dân số các phường và thị trấn (đối với dân số các thị trấn thuộc vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu và vùng cao, hải đảo được tính vào dân số thuộc các vùng tương ứng không tính dân số vùng đô thị).

- Dân số vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu: Gồm dân số ở các xã núi thấp, đồng bào dân tộc ở đồng bằng theo các quy định của Ủy ban Dân tộc; dân số các xã vùng sâu (xã vùng sâu là các xã đồng bằng có các điều kiện khó khăn về địa lý tự nhiên, khắc nghiệt về thời tiết, xa xôi hẻo lánh, xa các trung tâm văn hoá chính trị xã hội đi lại khó khăn,... được xác định theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05/01/2005 của liên Bộ Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội - Tài chính - Ủy ban Dân tộc mà cán bộ, công chức công tác tại địa bàn được hưởng phụ cấp khu vực) và dân số vùng cao, hải đảo gồm dân số ở các xã thuộc vùng cao theo quyết định của Ủy ban Dân tộc.

- Dân số vùng đồng bằng gồm dân số các xã thuộc khu vực còn lại.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ, Khoá XVIII, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Dân Mạc